

# **Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN**

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

# Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 35

# Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244//2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và cung cấp dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có Chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	
Ông Trần Đình Long	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên	
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên	
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên	
Ông Michael Louis Rosen	Phó Chủ tịch	từ ngày 3 tháng 8 năm 2015 đến ngày 19 tháng 1 năm 2016

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	từ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2015

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Michael Louis Rosen	Tổng Giám đốc	từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 3 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Khải	Quyền Tổng Giám đốc	từ ngày 3 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Việt Hùng	Giám đốc Vận hành	từ ngày 3 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính	từ ngày 3 tháng 8 năm 2015

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Việt Hùng được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 8.1 của báo cáo tài chính riêng và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Việt Hùng  
Giám đốc Vận hành

Ngày 23 tháng 3 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

**Building a better  
working world**

Số tham chiếu: 61063721/17793613

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") được lập ngày 23 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 và 8.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 0426-2013-004-1

Ngô Hồng Sơn  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

10011  
NG  
TR  
&  
ET N  
P.V

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>134.226.642.224</b>	<b>138.670.751.820</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>41.039.853.077</b>	<b>42.579.923.316</b>
111	1. Tiền		21.039.853.077	24.454.306.441
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	18.125.616.875
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>22.326.479.812</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	22.326.479.812
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>92.114.161.418</b>	<b>73.512.578.809</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	48.085.531.171	1.554.610.487
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	624.237.646	50.768.032.989
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	43.404.392.601	21.189.935.333
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.072.627.729</b>	<b>251.769.883</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		78.445.685	52.978.080
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		398.835.151	198.791.803
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18.1	595.346.893	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.977.650.550.986</b>	<b>1.023.018.321.928</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>393.900.560</b>	<b>393.900.560</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	393.900.560	393.900.560
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>8.448.953.781</b>	<b>7.988.423.323</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	8.448.953.781	7.988.423.323
222	Nguyên giá		16.934.214.575	15.697.031.575
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.485.260.794)	(7.708.608.252)
<b>250</b>	<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>8</b>	<b>1.968.346.858.812</b>	<b>1.014.387.708.382</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.968.346.858.812	980.419.262.027
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		-	33.968.446.355
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>460.837.833</b>	<b>248.289.663</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		460.837.833	248.289.663
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.111.877.193.210</b>	<b>1.161.689.073.748</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>8.803.806.720</b>	<b>8.855.678.246</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>8.474.534.920</b>	<b>7.735.164.746</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	587.544.392	2.227.240.916
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		208.308.899	208.308.899
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	133.014.562	906.445.740
314	4. Phải trả người lao động		35.863.687	1.231.100.602
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		395.800.000	123.000.004
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	11	2.794.199.590	297.989.928
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.319.803.790	2.741.078.657
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>329.271.800</b>	<b>1.120.513.500</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	11	329.271.800	316.701.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		-	803.812.500
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.103.073.386.490</b>	<b>1.152.833.395.502</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>12</b>	<b>2.103.073.386.490</b>	<b>1.152.833.395.502</b>
411	1. Vốn cổ phần		1.008.724.970.000	616.437.480.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		1.008.724.970.000	616.437.480.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.021.203.143.351	477.636.068.236
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.513.798.268	11.513.798.268
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		61.631.474.871	47.246.048.998
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		42.709.430.865	36.926.186.337
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		18.922.044.006	10.319.862.661
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.111.877.193.210</b>	<b>1.161.689.073.748</b>

  
Nguyễn Anh Tuấn  
Người lập biểu

  
Vũ Thị Lan Anh  
Quyền Kế toán trưởng

  
Nguyễn Việt Hùng  
Giám đốc Vận hành

Ngày 23 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.1	4.464.758.790	11.864.697.892
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	14, 17	(2.403.141.382)	(9.805.120.646)
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		2.061.617.408	2.059.577.246
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	13.2	128.593.633.023	88.846.013.214
22	5. Chi phí tài chính	15	(488.477.640)	(837.146.576)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(39.202.779)	(35.677.778)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16, 17	(18.303.800.735)	(18.201.555.131)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		111.862.972.056	71.866.888.753
31	8. Thu nhập khác		-	1.725.300
32	9. Chi phí khác		-	(9.000)
40	10. Thu nhập khác		-	1.716.300
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		111.862.972.056	71.868.605.053
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.1	(6.797.180.051)	(1.136.242.392)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		105.065.792.005	70.732.362.661



Nguyễn Anh Tuấn  
Người lập biểu



Vũ Thị Lan Anh  
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Hùng  
Giám đốc Vận hành

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>111.862.972.056</b>	<b>71.868.605.053</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	7	776.652.542	830.284.841
03	Hoàn nhập dự phòng		(803.812.500)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(95.523.505.438)	(88.845.793.214)
06	Chi phí lãi vay	15	39.202.779	35.677.778
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>16.351.509.439</b>	<b>(16.111.225.542)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		2.972.506.416	11.249.523.437
11	Giảm các khoản phải trả		(2.567.456.487)	(33.393.438.914)
12	Tăng chi phí trả trước		(238.015.775)	(196.554.011)
14	Tiền lãi vay đã trả		(39.202.779)	(35.677.778)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18.1	(7.533.754.258)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.480.646.464)	(1.667.389.605)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>5.464.940.092</b>	<b>(40.154.762.413)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua tài sản cố định		(1.237.183.000)	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.065.710.000.000)	(1.989.158.520.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		2.088.036.479.812	2.077.741.666.956
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(953.959.150.430)	(683.534.622.114)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		73.154.026.172	73.981.739.559
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(859.715.827.446)</b>	<b>(520.969.735.599)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		935.854.565.115	667.334.644.000
33	Tiền thu từ đi vay		159.500.000.000	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(159.500.000.000)	(9.500.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	12.2	(83.143.748.000)	(60.410.666.500)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>852.710.817.115</b>	<b>597.423.977.500</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.540.070.239)	36.299.479.488
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		42.579.923.316	6.280.443.828
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	41.039.853.077	42.579.923.316



Nguyễn Anh Tuấn  
Người lập biểu



Vũ Thị Lan Anh  
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Hùng  
Giám đốc Vận hành

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và cung cấp dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có Chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 14 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 19).

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 4 công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 8.1 của báo cáo tài chính riêng.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 8.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT - Hướng dẫn Thông tư số 52/2012/TT-BTC. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

**2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng** (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

*Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán do việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính riêng của Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 23.

**3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

**3.6 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

**3.9 Thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Thu nhập tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn và các khoản phải trả khác.

*Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại theo Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	191.102.007	66.377.007
Tiền gửi ngân hàng	20.848.751.070	24.387.929.434
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	18.125.616.875
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>41.039.853.077</b>	<b>42.579.923.316</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi áp dụng.

*Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:*

	Năm nay
Tái cấu trúc bằng các khoản đầu tư (*)	323.679.196.403

(\*) Trong năm, Công ty đã cơ cấu chuyển toàn bộ khoản đầu tư tại công ty liên kết - Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An và khoản đầu tư tại công ty con - Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre, sang Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN như một phần của giá trị góp vốn (Thuyết minh số 8 và 8.1).

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 19)	47.975.672.775	203.236.374
Phải thu từ các bên khác	109.858.396	1.351.374.113
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.085.531.171</b>	<b>1.554.610.487</b>

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên khác	444.487.646	560.376.978
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 19)	179.750.000	50.207.656.011
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>624.237.646</b>	<b>50.768.032.989</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Cổ tức được chia	43.000.000.000	20.499.742.500
Ký quỹ	75.250.000	525.250.000
Tạm ứng nhân viên	163.023.801	11.698.078
Lãi phải thu	-	130.778.234
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 19)	150.500.000	-
Khác	15.618.800	22.466.521
	<u>43.404.392.601</u>	<u>21.189.935.333</u>
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ	393.900.560	393.900.560
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>43.798.293.161</b></u>	<u><b>21.583.835.893</b></u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 19)</i>	43.534.400.560	20.979.770.959
<i>Phải thu khác</i>	263.892.601	604.064.934

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND			
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	13.688.708.885	1.660.440.540	347.882.150	15.697.031.575
Mua mới	89.925.000	1.086.558.000	60.700.000	1.237.183.000
Số cuối năm	<u>13.778.633.885</u>	<u>2.746.998.540</u>	<u>408.582.150</u>	<u>16.934.214.575</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.256.809.102	386.370.000	347.882.150	3.991.061.252
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Số đầu năm	5.999.010.280	1.361.715.822	347.882.150	7.708.608.252
Khấu hao trong năm	498.688.120	271.219.978	6.744.444	776.652.542
Số cuối năm	<u>6.497.698.400</u>	<u>1.632.935.800</u>	<u>354.626.594</u>	<u>8.485.260.794</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	7.689.698.605	298.724.718	-	7.988.423.323
Số cuối năm	<u>7.280.935.485</u>	<u>1.114.062.740</u>	<u>53.955.556</u>	<u>8.448.953.781</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 8.1)	1.968.346.858.812	980.419.262.027
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	-	33.968.446.355
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.968.346.858.812</b>	<b>1.014.387.708.382</b>

(\*) Trong năm, Công ty đã cơ cấu chuyển toàn bộ khoản đầu tư tại công ty liên kết, Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An, sang Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN như một phần của giá trị góp vốn. Theo đó, Công ty không nắm giữ trực tiếp khoản đầu tư vào công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**8.1 Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	999.900.000.000	99,9	-	-
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương	921.172.818.812	75,0	648.061.401.979	56,7
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình	25.000.000.000	100	25.000.000.000	100
Công ty TNHH Liên Thái Bình	22.274.040.000	100	22.274.040.000	100
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	-	-	285.083.820.048	62,4
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.968.346.858.812</b>		<b>980.419.262.027</b>	

Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313041011 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0103003628 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 2 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309493985 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 11 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên Thái Bình là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0100230134 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 12 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại tầng 3, số 1C Đường Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**8.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã cơ cấu chuyển toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre sang Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN như một phần của giá trị góp vốn. Theo đó, Công ty không nắm giữ trực tiếp khoản đầu tư vào công ty con này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13-10/2015/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 10 năm 2015, Công ty đã thông qua việc ký kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình và Công ty TNHH Liên Thái Bình cho Nihon Housing Company Limited (Nhật Bản). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giao dịch này vẫn chưa được hoàn thành, do đó không có thay đổi trong việc ghi nhận khoản đầu tư tại hai công ty con này.

**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên khác	533.640.089	316.400.213
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 19)	53.904.303	1.910.840.703
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>587.544.392</b>	<b>2.227.240.916</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 18.1)	141.227.314	6.797.180.051	(7.533.754.258)	(595.346.893)
Thuế thu nhập cá nhân	765.218.426	2.306.692.747	(2.938.896.611)	133.014.562
Khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>906.445.740</b>	<b>9.106.872.798</b>	<b>(10.475.650.869)</b>	<b>(462.332.331)</b>
Trong đó:				
Phải nộp	906.445.740			133.014.562
Trả trước	-			595.346.893

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và kinh phí công đoàn	91.870.076	91.640.426
Khác	<u>2.702.329.514</u>	<u>206.349.502</u>
	2.794.199.590	297.989.928
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ thuê văn phòng và khác	<u>329.271.800</u>	<u>316.701.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>3.123.471.390</b></u>	<u><b>614.690.928</b></u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 19)</i>	387.451.800	467.251.800
<i>Phải trả khác</i>	2.736.019.590	147.439.128

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 12.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	200.500.000.000	226.238.904.236	11.513.798.268	37.646.186.337	475.898.888.841
Tăng vốn trong năm	214.125.000.000	453.264.644.000	-	-	667.389.644.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	201.812.480.000	(201.867.480.000)	-	-	(55.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	70.732.362.661	70.732.362.661
Cổ tức công bố	-	-	-	(60.412.500.000)	(60.412.500.000)
Trích thủ lao HĐQT và BKS	-	-	-	(720.000.000)	(720.000.000)
Số cuối năm	616.437.480.000	477.636.068.236	11.513.798.268	47.246.048.998	1.152.833.395.502
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	616.437.480.000	477.636.068.236	11.513.798.268	47.246.048.998	1.152.833.395.502
Tăng vốn trong năm	392.287.490.000	543.567.075.115	-	-	935.854.565.115
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	105.065.792.005	105.065.792.005
Cổ tức công bố	-	-	-	(83.143.748.000)	(83.143.748.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.536.618.132)	(3.536.618.132)
Trích thủ lao HĐQT và BKS	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Số cuối năm	1.008.724.970.000	1.021.203.143.351	11.513.798.268	61.631.474.871	2.103.073.386.490



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**12.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu năm	616.437.480.000	200.500.000.000
Tăng trong năm	392.287.490.000	415.937.480.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.008.724.970.000</b>	<b>616.437.480.000</b>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức trả bằng tiền	83.143.748.000	60.410.666.500
Cổ tức chưa chi trả	-	1.833.500

Trong năm, Công ty đã hoàn tất phát hành mới 39.228.749 cổ phiếu thường cho các nhà đầu tư chiến lược, cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên được phê duyệt bởi các cổ đông theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01-05/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 5 năm 2014 và Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01-04/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2015.

Việc phát hành đã được hoàn thành với tổng số cổ phiếu được phát hành thêm là 39.228.749 cổ phiếu. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 616.437.480.000 VND lên 1.008.724.970.000 VND.

**12.3 Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phần	Số cổ phần
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>100.872.497</b>	<b>61.643.748</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>		
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	100.872.497	61.643.748
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	100.872.497	61.643.748

**13. DOANH THU**

**13.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Doanh thu</b>	<b>4.464.758.790</b>	<b>11.864.697.892</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu dịch vụ vệ sinh	2.403.141.382	10.069.609.892
Doanh thu cho thuê	2.061.617.408	1.795.088.000
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	2.371.995.056	8.873.883.084
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 19)	2.092.763.734	2.990.814.808

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**13. DOANH THU** (tiếp theo)

**13.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Năm nay</i>	<i>VND Năm trước</i>
Thu nhập từ cổ tức	81.957.803.361	67.623.964.421
Lãi từ đầu tư chứng khoán	33.070.127.585	5.570.373.232
Lãi từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh	7.865.857.015	12.198.973.261
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.699.845.062	3.452.482.300
Khác	-	220.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>128.593.633.023</u></b>	<b><u>88.846.013.214</u></b>

**14. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Năm nay</i>	<i>VND Năm trước</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	<u>2.403.141.382</u>	<u>9.805.120.646</u>

**15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Năm nay</i>	<i>VND Năm trước</i>
Chi phí hoa hồng và môi giới	439.774.861	788.335.465
Chi phí lãi vay	39.202.779	35.677.778
Khác	9.500.000	13.133.333
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>488.477.640</u></b>	<b><u>837.146.576</u></b>

**16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Năm nay</i>	<i>VND Năm trước</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.709.839.331	6.883.818.043
Chi phí nhân công	7.578.361.933	10.090.989.020
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 7)	776.652.542	830.284.841
Chi phí khác	238.946.929	396.463.227
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.303.800.735</u></b>	<b><u>18.201.555.131</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**17. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.112.980.713	16.688.938.689
Chi phí lương	7.578.361.933	10.090.989.020
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 7)	776.652.542	830.284.841
Chi phí khác	238.946.929	396.463.227
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.706.942.117</u></b>	<b><u>28.006.675.777</u></b>

**18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**18.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>111.862.972.056</b>	<b>71.868.605.053</b>
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập từ cổ tức	(81.957.803.361)	(67.623.964.421)
Chi phí không được khấu trừ	1.794.916.764	920.097.512
Chênh lệch dự phòng trợ cấp thôi việc	(803.812.500)	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>30.896.272.959</b>	<b>5.164.738.144</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>6.797.180.051</b>	<b>1.136.242.392</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN</b>	<b>6.797.180.051</b>	<b>1.136.242.392</b>
Thuế TNDN phải trả (trả trước) đầu năm	141.227.314	(995.015.078)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(7.533.754.258)	-
<b>Thuế TNDN (trả thừa) phải trả cuối năm</b>	<b><u>(595.346.893)</u></b>	<b><u>141.227.314</u></b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông	Tiền chi cho hoạt động đầu tư Lãi chuyển nhượng chứng khoán Lãi từ hoạt động đầu tư Phi tư vấn và phát hành chứng khoán Doanh thu cung cấp dịch vụ Doanh thu cho thuê văn phòng	1.921.710.000.000 33.070.127.585 8.788.464.726 2.346.800.000 491.550.254 412.412.896	1.752.650.000.000 - 8.516.996.962 4.544.000.000 1.212.901.487 474.747.490
Công ty cổ phần thực phẩm PAN	Công ty con	Góp vốn Cho mượn Mượn tiền Cho thuê xe	999.900.000.000 422.100.000.000 358.400.000.000 90.000.000	- - - -
Công ty Quản lý Quỹ SSI	Cổ đông	Nhận góp vốn Phi dịch vụ	159.100.000.000 454.300.000	129.920.000.000 325.800.000
Teal Two Partners Ltd	Cổ đông	Nhận góp vốn	158.173.750.000	258.336.000.000
International Finance Corporate	Cổ đông	Nhận góp vốn	140.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương	Công ty con	Cho mượn Thu nhập cổ tức	120.000.000.000 17.139.838.361	- 7.233.275.421
Mutual Fund Populus	Cổ đông	Nhận góp vốn	73.500.000.000	64.8640.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Thu nhập cổ tức Cho mượn Chi phí dịch vụ vệ sinh Doanh thu cho thuê văn phòng Doanh thu khác	36.000.000.000 24.000.000.000 2.673.141.382 1.188.800.584 -	15.000.000.000 - 9.805.120.646 1.141.159.915 162.005.916
GIC Private Limited	Cổ đông	Nhận góp vốn	45.926.650.000	-

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đông	Nhận góp vốn Chi phí thuê văn phòng Đặt cọc thuê văn phòng	35.000.000.000 2.019.894.265 -	21.760.000.000 1.175.766.125 196.109.160
Công ty TNHH NDH Việt Nam	Cổ đông	Nhận góp vốn	25.610.000.000	39.360.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời	Cổ đông	Nhận góp vốn Giao dịch từ hợp đồng hợp tác đầu tư Thu nhập từ đầu tư hợp tác Phi dịch vụ	18.870.000.000 - - -	- 236.508.520.000 3.585.848.400 144.118.520
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Công ty con	Thu nhập cổ tức	21.817.965.000	40.390.689.000
Ông Michael Louis Rosen	Phó Chủ tịch HĐQT	Nhận góp vốn	7.971.750.000	13.380.000.000
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	Nhận góp vốn	8.227.000.000	5.800.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Liên Thái Bình	Công ty con	Thu nhập cổ tức	7.000.000.000	5.000.000.000
Bà. Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Nhận góp vốn Chi phí thuê văn phòng	1.309.000.000 655.200.000	15.440.000.000 668.053.000
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	Nhận góp vốn	1.706.000.000	2.100.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn NDH	Bên liên quan	Phi dịch vụ	1.623.208.310	1.088.144.999
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên BGD	Nhận góp vốn	1.496.000.000	2.560.000.000
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên HĐQT	Nhận góp vốn	1.496.000.000	2.100.000.000
Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT	Nhận góp vốn	621.000.000	600.000.000

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
				VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông	Thu từ bán cổ phiếu Thuế văn phòng	47.592.384.427 46.395.370	- -
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Thuế văn phòng	237.892.978	203.236.374
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Thuế xe	99.000.000	-
			<b>47.975.672.775</b>	<b>203.236.374</b>
<b>Trả trước cho khách hàng ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông	Trả trước mua cổ phiếu Phí dịch vụ và đặt cọc	- 100.000.000	50.100.000.000 107.656.011
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn NDH	Bên liên quan	Phí dịch vụ	79.750.000	-
			<b>179.750.000</b>	<b>50.207.656.011</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Cổ tức	36.000.000.000	7.500.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Liên Thái Bình	Công ty con	Cổ tức	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đông	Đặt cọc thuế văn phòng	304.700.560	304.700.560
Ông Michael Louis Rosen	Phó Chủ tịch HĐQT	Chi hộ tiền thuế nhà	150.500.000	-
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Đặt cọc thuế văn phòng	79.200.000	79.200.000
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương	Công ty con	Cổ tức	-	12.999.742.500
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông	Lãi từ hoạt động đầu tư	-	96.127.899
			<b>43.534.400.560</b>	<b>20.979.770.959</b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đồng	Phí dịch vụ	29.154.303	108.600.000	
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Dịch vụ vệ sinh	24.750.000	1.802.240.703	
			<b>53.904.303</b>	<b>1.910.840.703</b>	
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>					
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Đặt cọc thuê văn phòng	189.189.000	189.189.000	
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT	Thù lao	120.000.000	60.000.000	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đồng	Đặt cọc thuê văn phòng	78.262.800	78.262.800	
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Khác	-	139.800.000	
			<b>387.451.800</b>	<b>467.251.800</b>	

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Tiền lương	5.906.450.297	4.332.214.221	
Tiền thưởng	1.036.654.556	593.839.600	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.943.104.853</b>	<b>4.926.053.821</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.483.403.360	3.386.403.360
Từ 1 đến 5 năm	3.689.256.569	6.122.937.562
Trên 5 năm	8.039.131.579	8.694.690.789
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.211.791.508</b>	<b>18.204.031.711</b>

**21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

		<i>VND</i>
	<i>Tổng cộng</i>	<i>Không quá hạn và không bị suy giảm</i>
Số cuối năm	132.760.653.608	132.760.653.608
Số đầu năm	65.706.671.618	65.706.671.618

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã chiết khấu:

	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Trên 1 năm</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
<b>Số cuối năm</b>			
Phải trả người bán ngắn hạn	587.544.392	-	587.544.392
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	643.349.500	329.271.800	972.621.300
	<b>1.230.893.892</b>	<b>329.271.800</b>	<b>1.560.165.692</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán ngắn hạn	2.227.240.916	-	2.227.240.916
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	329.349.506	316.701.000	646.050.506
	<b>2.556.590.422</b>	<b>316.701.000</b>	<b>2.873.291.422</b>

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Phải thu ngắn hạn khách hàng	48.085.531.171	-	1.554.610.487	-	48.085.531.171
Các khoản phải thu khác	43.635.269.360	-	21.572.137.815	-	43.635.269.360
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.039.853.077	-	42.579.923.316	-	41.039.853.077
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>132.760.653.608</b>	<b>-</b>	<b>65.706.671.618</b>	<b>-</b>	<b>132.760.653.608</b>
					<b>65.706.671.618</b>
					VND
	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Phải trả người bán ngắn hạn	587.544.392	-	2.227.240.916	-	587.544.392
Phải trả khác	972.621.300	-	646.050.506	-	972.621.300
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.560.165.692</b>	<b>-</b>	<b>2.873.291.422</b>	<b>-</b>	<b>1.560.165.692</b>
					<b>2.873.291.422</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, các khoản phải trả người bán ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

**23. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200**

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau.

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>VND Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)</i>
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG</b>			
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	22.326.479.812	(22.326.479.812)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	22.326.479.812	22.326.479.812
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	20.652.987.255	536.948.078	21.189.935.333
Tài sản ngắn hạn khác	536.948.078	(536.948.078)	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	-	393.900.560	393.900.560
Tài sản dài hạn khác	393.900.560	(393.900.560)	-
Nợ dài hạn khác	1.120.513.500	(803.812.500)	316.701.000
Các khoản dự phòng dài hạn khác	-	803.812.500	803.812.500
Quỹ đầu tư phát triển	5.756.899.134	5.756.899.134	11.513.798.268
Quỹ dự phòng tài chính	5.756.899.134	(5.756.899.134)	-
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG</b>			
Giảm các khoản phải thu	10.754.940.557	494.582.880	11.249.523.437
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	494.582.880	(494.582.880)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**24. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Vào ngày 9 tháng 3 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 80% phần góp vốn tại Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình và Công ty TNHH Liên Thái Bình. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại mỗi công ty trên giảm xuống còn 20%.

Ngoài sự kiện kể trên, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.

Nguyễn Anh Tuấn  
Người lập biểu

Vũ Thị Lan Anh  
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Hùng  
Giám đốc Vận hành

Ngày 23 tháng 3 năm 2016